

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 27/6/2018

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Minh Phương
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Mạnh
2. Ông Hồ Thế Việt

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Tiến Phú – Thẩm tra viên

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:*** Bà Phùng Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Văn V, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T - xã A – huyện L – tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn V thống nhất trình bày: Chị T và anh V đăng ký kết hôn ngày 31/8/1994 tại UBND xã A trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống với nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa hợp, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng theo chị T trình bày: Phát sinh từ năm 2014, nguyên nhân là do anh V không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè, chửi bới, đánh đập chị, khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, gây mất đoàn kết trong gia đình. Vì vậy, vợ chồng chị đã ly thân từ đầu năm 2017, nay xét thấy

tình cảm vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn V.

Bị đơn là anh Phạm Văn V mặc dù không có mặt tại phiên tòa, nhưng trong tại biên bản ghi lời khai anh V trình bày: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do trong cuộc sống hàng ngày, chị T xúc phạm đến anh và gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng nhất xảy ra từ ngày 26 tháng giêng năm 2017(âm lịch). Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị T xin ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Chị T và anh V thống nhất trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị V, sinh ngày 11/01/1994 và Phạm Thị K, sinh ngày 07/01/1999. Hiện hai con chung đã trưởng thành, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị T và anh V đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn V

- Về con chung: Chị T, anh V có 02 con chung, là Phạm Thị V sinh ngày 11/01/1994 và Phạm Thị K sinh ngày 07/01/1999, hiện các con chung đã trưởng thành, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn V tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ nhất, nhưng anh V vắng mặt không có lý do chính đáng, HĐXX đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian, địa điểm mở phiên tòa. Tòa án đã giao Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo qui định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Phạm Văn V. Qua xem xét Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh V đăng ký kết hôn ngày 31/8/1994 tại UBND xã A trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc nên hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, chị T và anh V đã xảy ra mâu thuẫn, nảy sinh trong đời sống sinh hoạt hàng ngày về kinh tế trong gia đình và cách cư xử với nhau. Cả chị T và anh V đều xác định mâu thuẫn trầm trọng xảy ra vào đầu năm 2017 dẫn tới việc chị T và anh V sống ly thân với nhau, hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ, không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Mặt khác, mặc dù anh V không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, nhưng khi Tòa án làm việc với anh V thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị T. Qua xác minh tại địa phương cũng xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã trầm trọng kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị T và anh V có 02 con chung, là Phạm Thị V sinh ngày 11/01/1994 và Phạm Thị K sinh ngày 07/01/1999. Hiện hai con chung đã trưởng thành, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản: Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: .

1. Về hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn V.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2012/04451 ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Tài. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án (hoặc niêm yết bản án).

Nơi nhận:

- VKSND huyện L
- Chi cục huyện L;
- Đường sự;
- UBND xã A;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Phương

